| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 296/2023/DS-PT
Ngày: 22/5/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Vân.**

*Các Thẩm phán*: Ông **Mai Hoàng Khải;**

Ông **Võ Ngọc Giàu.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Ông **Dương Thanh Quang**- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2023/DS-ST ngày 9 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 567/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Phạm Văn U, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Đông T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:**

- Lê Thanh V, sinh năm 1978; (vắng mặt)

- Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1978; (vắng mặt)

HKTT: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của anh V: anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Phạm Thị Kim L, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Đông T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**4. Người làm chứng:**

- Phạm Nguyễn Thành H (Tên gọi khác: U), sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

- Phạm Ngọc M (Tên gọi khác: T), sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Bình Đông T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**5. Người kháng cáo:** Bị đơn Lê Thanh V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm,**

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn U trình bày:*

- Về hợp đồng góp hụi: Vợ ông Phạm Văn U là bà Phạm Thị Kim L làm đầu thảo hụi; bà Phạm Thị Thúy H có tham gia dây hụi mở ngày 20/6/2022 âm lịch do bà L làm đầu thảo, hụi 3.000.000 đồng/ tháng, có 13 phần, bà H tham gia 02 phần; bà H hốt 02 phần hụi vào ngày 22/6/2022 âm lịch với số tiền 57.000.000 đồng; bà H đóng hụi chết đến tháng 7/2022 âm lịch thì ngưng, còn nợ lại 11 kỳ hụi chết của 02 phần hụi là 11 kỳ hụi x 02 phần x 3.000.000 đồng = 66.000.000 đồng; hụi mãn ngày 20/7/2023 âm lịch. Do ông U giao nhận tiền hụi với bà H, nên ông U khởi kiện yêu cầu bà H trả lại cho ông U số tiền 66.000.000 đồng.

Ngoài ra bà H còn làm đầu thảo hụi, ông U có tham gia dây hụi 500.000 đồng/ tháng; ông U hốt số tiền 17.000.000 đồng nhưng bà H không giao.

Tổng cộng bà H nợ ông U số tiền hụi là 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng).

- Về hợp đồng vay tài sản:

+ Ngày 12/5/2022, bà H vay của ông U số tiền 30.000.000 đồng, không lãi suất, hẹn trả nợ ngày 12/10/2022.

+ Ngày 24/6/2022, bà H vay tiếp của ông U số tiền 30.000.000 đồng, không lãi suất, hẹn trả nợ ngày 24/11/2022.

Tổng cộng bà H vay của ông U số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Do bà H tham gia góp hụi và vay tiền sử dụng chung trong gia đình với ông V (chồng bà H), nên ông U yêu cầu bà H và ông V liên đới trả tiền cho ông U.

Ông U yêu cầu bà H và ông V liên đới trả cho ông U số tiền hụi và vay là 143.000.000 đồng (trong đó tiền hụi là 83.000.000 đồng, tiền vay là 60.000.000 đồng); yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Thanh V là ông Nguyễn Hữu P trình bày:* Việc tham gia góp hụi và vay, mượn tiền giữa bà Phạm Thị Thúy H với ông Phạm Văn U, ông V không biết. Ông V không có sử dụng tiền hụi và tiền vay của bà H. Ông V không đồng ý liên đới với bà H trả tiền cho ông U. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Phạm Thị Thúy H vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.*

** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim L trình bày:*

Ông U yêu cầu bà H và ông V trả lại cho ông U 143.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng bà L, ông U. Bà L đồng ý để cho ông U khởi kiện yêu cầu bà H, ông V trả tiền; còn việc sử dụng số tiền nêu trên để bà H và ông U tự thỏa thuận. Bà H thống nhất theo yêu cầu của ông U; không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Người làm chứng anh Phạm Nguyễn Thành H có đơn xin vắng mặt; theo biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2022, anh H trình bày:* Việc tham gia góp hụi và vay mượn tiền giữa ông U với bà H, anh H không biết gì, cũng không có chứng kiến, nhưng ông U có đưa cho anh H ký tên "U" vào tờ giấy vay mượn tiền giữa ông U và bà H, còn sự việc thỏa thuận vay mượn tiền, số tiền bao nhiêu thì anh H không biết.

** Người làm chứng anh Nguyễn Ngọc Minh có đơn xin vắng mặt; theo biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2022, anh Minh trình bày:* Việc tham gia góp hụi và vay mượn tiền giữa ông U với bà H, anh Minh không biết gì, cũng không có chứng kiến, nhưng ông U có đưa cho anh Minh tờ giấy viết tay kêu anh Minh ký tên người làm chứng, anh Minh có ký tên "Thanh", còn số tiền vay bao nhiêu thì anh Minh không biết.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 26/2023/DS-ST ngày 9 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 463, 466; 471 khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 147, 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

**Xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn U.

- Buộc bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn U số tiền 134.600.000 đồng *(Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng),* trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, bị đơn Lê Thanh V kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa án theo hướng không buộc ông liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn *ông Phạm Văn U* vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V phải liên đới trả cho ông U số tiền hụi và vay là 143.000.000 đồng (trong đó tiền hụi là 83.000.000 đồng, tiền vay là 60.000.000 đồng).

- Người kháng cáo ông Lê Thanh V giữ nguyên yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ông không phải liên đới cùng với bà H trả nợ cho ông U.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa người kháng cáo ông Lê Thanh V yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc ông phải liên đới cùng bà H trả nợ cho ông U, nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này. Tuy nhiên dây hụi đến tháng 6/2023 mới mãn mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền nợ hụi trong một lần là chưa phù hợp. Do đó đề nghị HĐXX sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, tuyên trả hàng tháng phần tiền nợ hụi còn chưa đến hạn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phạm Thị Thúy H vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đang nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

**[2]** Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn *ông Phạm Văn U k*hởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V liên đới trả cho ông U số tiền hụi là 83.000.000 đồng, tiền vay là 60.000.000 đồng nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]** Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn *ông Phạm Văn U* với bị đơn bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS.

**[4]** Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lê Thanh V là đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

**[5]** Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh V, HĐXX nhận thấy:

- Kèm theo đơn khởi kiện, phía nguyên đơn có cung cấp 03 biên nhận nợ thể hiện các khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả. Theo đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ gởi đơn kiện và chứng cứ kèm theo đơn cho bị đơn Lê Thanh V và Phạm Thị Thúy H của ông Phạm Văn U, tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, đơn kiện và chứng cứ kèm theo cho các bị đơn.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2022 ông V xác nhận gia đình ông có 4 người gồm ông, bà H, và 02 con có chung hộ khẩu với bà Huỳnh Thị Tấn Em tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên vợ chồng ông và 02 con có cất nhà riêng và sinh sống tại ấp Thạnh Lạc Đông, xã Thạnh Nhựt, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (bl 23)

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2022 ông V xác nhận ông đã có nhận được thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do tòa án gởi; Xác nhận hiện nay có mua đất cất nhà cho cả gia đình ở tại ấp Thạnh Lạc Đông, xã Thạnh Nhựt, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (bl 22)

- Theo giấy khai sinh của Lê Thị Mỹ Hiền sinh 23/01/2003 và Lê Minh Nhựt sinh ngày 09/02/2007 thì chị Hiền, anh Nhựt đều là con ruột của Phạm Thị Thúy H và Lê Thanh V.

- Ngày 10/9/2019, bà H có làm ủy quyền cho ông V vay của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện G tỉnh Tiền Giang số tiền 100.000.000 đồng. Ngày đến hạn 05/9/2024.

Từ các chi tiết trên thể hiện ông V, bà H và các con đang còn sống chung nhà tại ấp Thạnh Lạc Đông xã Thạnh Nhựt, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phía ông V, bà H đã có nhận được các tài liệu chứng cứ nộp kèm đơn khởi kiện mà không có ý kiến phản đối số nợ trên. Ông bà cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số nợ này. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Mặc dù giữa ông V và bà H không có đăng ký kết hôn nhưng có quan hệ sống chung như vợ chồng từ trước 2003 cho đến nay, có con chung và có tài sản chung. Số nợ này cũng phát sinh trong thời gian ông V bà H còn đang sống chung như vợ chồng, cùng chăm lo gia đình nuôi dạy con cái nên cấp sơ thẩm buộc ông V liên đới với bà H trả nợ là có căn cứ. Ông V kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để xem xét nên bác. Án sơ thẩm buộc bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V liên đới trả cho ông U số tiền hụi và vay là 134.600.000 đồng là có căn cứ cần giữ nguyên.

**[6]** Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang cho rằng đối với khoản nợ hụi có một phần chưa đến hạn (tháng 6/2023 mới mãn) mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ hụi trong một lần là chưa phù hợp là có cơ sở. Tuy nhiên, xét bà H đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi từ tháng 7/2022 cho đến nay và phần nợ hụi chưa đến hạn đến thời điểm xét xử tháng 5/2023 là quá ít (hụi mãn

tháng 6/2023) không đáng kể nên không cần thiết phải tách ra để tuyên trả dần khi đến hạn.

**[7]** Về án phí: ông Lê Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh V giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 9 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của *ông Phạm Văn U.*

- Buộc bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn U số tiền 134.600.000 đồng *(Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng),* thời hạn sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2.**Về án phí:

- Ông Lê Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0026880 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án huyện G tỉnh Tiền Giang. Ông V đã nộp xong án phí phúc thẩm. Bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V phải cùng liên đới chịu 6.730.000 đồng (sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông U phải chịu 420.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.575.000 đồng theo biên lai số 0006462 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G; nên hoàn lại cho ông U số tiền 3.155.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) còn dư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
*- TAND cấp cao tại TP HCM;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

*- VKSND tỉnh Tiền Giang;*
*- TAND huyện G;*
*- CC THADS huyện G;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Vân**